

ÔN TẬP TIẾNG ANH LỚP 3 THEO UNIT

UNIT 2 + UNIT 3 CÓ ĐÁP ÁN

1. Bài tập tiếng Anh 3 Unit 2 What's your name?

Phần nghe

I. Hãy nghe và chọn từ đúng

1. a. I b. Hi

2. a. Nice b. fine

3. a. see b. meet

4. a. you b. your

5. a. later b. Peter

II. Đánh số thứ tự.

a. _____ I'm fine.

b. _____ How are you?

c. _____ Nice to meet you.

d. _____ My name's Alan.

e. _____ What's your name?

PHẦN TỪ LOẠI VÀ NGỮ PHÁP

I. Tìm từ khác loại.

1. A. how	B. what	C. LiLi
2. A. my	B. name	C. your
3. A. Alan	B. meet	C. Lan
4. A. book	B. friend	C. pen
5. A. how	B. hello	C. hi

II. Xếp thành câu hoàn chỉnh

1. my / is / name / Li Li.

2. your / what / name / is ?

3. later /you / Bye./see /.

4. you / are / how ?

5. am / I / fine / you / thank /./.

III. Nối các câu ở cột A với các câu ở cột B

A	B	Bài làm
1. What 's your name?	a. Bye. See you later.	1--
2. How are you?	b. My name is Nga.	2--
3. Goodbye.	c. I'm fine, thank you.	3--
4. Hello, I am Linda.	d. Nice to meet you, too.	4--
5. Nice to meet you.	e. Hi. I'm Alan.	5--

IV. Read and answer the following questions

My name is Bab. I am nine. I am from Spain. I have got a mother, a father and a sister. My sister is a little girl. She is five. I am a pupil, but my sister is not a pupil. She has got many toys. The toys are pink and blue.

1. What is the girl's name?

2. Where is she from?

3. How old is Bab's sister?

4. What is Bab?

5. What colour are the toys?

2. Đáp án Bài tập tiếng Anh Unit 2 lớp 3 What's your name?

Phần nghe

I. Hãy nghe và chọn từ đúng

VnDoc.com chưa cập nhật được file nghe mp3

II. Đánh số thứ tự.

1 - e; 2 - d; 3 - b; 4 - a; 5 - c;

PHẦN TỪ LOẠI VÀ NGỮ PHÁP

I. Tìm từ khác loại.

1 - C. LiLi; 2 - B. name; 3 - B. meet; 4 - B. friend; 5 - A. how;

II. Xếp thành câu hoàn chỉnh

1. My name is Lili.
2. What is your name?
3. Bye. See you later.
4. How are you?
5. I am fine thank you.

III. Nối các câu ở cột A với các câu ở cột B

1 - b; 2 - c; 3 - a; 4 - e; 5 - d;

IV. Read and answer the following questions

1. The girl's name is Bab
2. She is from Spain
3. Bab's sister is five

4. Bab is a pupil

5. The toys are pink and blue

3. Bài tập tiếng Anh 3 Unit 3: This is Tony.

I. Hãy viết bài hội thoại sau bằng tiếng Anh

1. Nam: Xin chào. Tôi tên là Nam.

2. Hoa: Xin chào. Tôi tên là Hoa.

3. Nam: Bạn có khỏe không?

4. Hoa: Tớ khỏe cảm ơn bạn. Thế còn bạn?

5. Nam: Tớ khỏe, cảm ơn. Tạm biệt.

6. Hoa: Tạm biệt. Hẹn gặp lại.

II. Hãy đáp lại các câu sau:

1. Hello, I'm Alan.

2. Nice to meet you.

3. How are you?

4. Goodbye. See you later.

III. Hãy xếp các chữ cái sau thành từ có nghĩa.

1. i c e n. _____

2. t a s h n k. _____

3. a e l t r. _____

4. b e y o g o d. _____

5. i n e f _____

IV. Hãy sắp xếp các câu sau thành 1 bài hội thoại hợp lý.

a. I'm fine, thank you. And you?

b. Hello, Nam.

c. How are you?

d. Hi, Peter.

e. Fine, thanks.

f. Goodbye.

g. Bye. See you later.

4. Đáp án bài tập tiếng Anh Unit 3 lớp 3 This is Tony

I. Hãy viết bài hội thoại sau bằng tiếng Anh

1 - Nam: Hello. My name is Nam

2 - Hoa: Hi, I'm Hoa.

3 - Nam: How are you?

4 - Hoa: I'm fine, thanks. How about you?

5 - Nam: I am fine, thank you. Goodbye.

6 - Hoa: Bye. See you later.

II. Hãy đáp lại các câu sau:

1. Hi, I am Le.

2. Nice to meet you, too.

3. I am fine, thank you.

4. Bye. See you later.

III. Hãy xếp các chữ cái sau thành từ có nghĩa.

1 - Nice; 2 - Thanks; 3 - later; 4 - Goodbye; 5 - fine;

IV. Hãy sắp xếp các câu sau thành 1 bài hội thoại hợp lý.

1 - b; 2 - d; 3 - c; 4 - a; 5 - e; 6 - f; 7 - g

hoặc: 1 - d; 2 - b; 3 - c; 4 - a; 5 - e; 6 - f; 7 - g

Mời bạn đọc tham khảo thêm nhiều tài liệu ôn tập Tiếng Anh 3 khác như:

Giải bài tập Tiếng Anh lớp 3 cả năm: <https://vndoc.com/tieng-anh-lop-3>

Trắc nghiệm Tiếng Anh lớp 3 online: <https://vndoc.com/test/tieng-anh-lop-3>

